



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam

Vietnam Pepper Association

135A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP HCM

Tel: (84-28) 3823.7288 - 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901

Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 19/22, 09-13/05/2022

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy chiều hướng khá tiêu cực khi không có quốc gia nào ghi nhận sự gia tăng.
02. Ấn Độ - Giá tiêu Ấn Độ giảm trong tuần này do đồng Rupee giảm 1% so với USD (77,36 INR/USD).
03. Indonesia - Thị trường đã mở cửa trở lại sau lễ Eid Fitr Mubarak 1443 H của người Hồi giáo tại Indonesia vào tuần trước. Thị trường ít giao dịch.
04. Malaysia - Giá tiêu nội địa Malaysia giảm trong tuần này do đồng Ringgit Malaysia giảm 0,5% so với USD (4,38 MYR/USD). Trong khi đó giá tiêu của Malaysia giao dịch trên thị trường quốc tế tiếp tục ổn định.
05. Sri Lanka - Sau 2 tuần tăng, giá tiêu nội địa Sri Lanka giảm trong tuần này do đồng Rupee Sri Lanka giảm 4% so với USD (362,86 LKR/USD).
06. Việt Nam - Chỉ duy nhất giá tiêu trắng nội địa Việt Nam ổn định trong tuần này. Trong khi đó, các loại khác cho thấy xu hướng giảm.
07. Nhập khẩu Hồ tiêu của Canada (2020-2022).

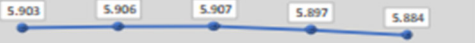
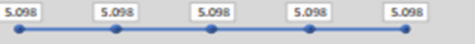
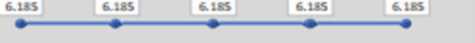
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (09-13/05/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	6.883 6.841 6.846 6.782	6,838 - 6,969	-2% ↓
 Ex-Lampung	3.440 3.437 3.437 3.428 3.420	3,433 – n.a	n.a
 Ex-Kuching	4.129 4.132 4.132 4.126 4.117	4,127 - 4,148	-1% ↓
 Ex- HCM	3.362 3.362 3.319 3.275 3.275	3,319 - 3,413	-3% ↓
 Sri Lanka	5.440 5.440 5.440 5.512 5.512	5,469 – 5,681	-4% ↓

Sources:

- India: The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia: Unofficial source
- Malaysia: Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka: Department of Export Agriculture
- Viet Nam: Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China: Hainan Pepper Association, China Spice Association

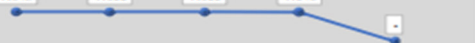
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (09-13/05/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		5,904 – n.a	n.a
 Ex-Kuching		5,899 - 5,926	-1% ↓
 Ex-HCM		5,098 - 5,098	0% =
 Ex-Hainan		6,185 – 6,185	0% =

Sources:

- India: The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia: Unofficial source
- Malaysia: Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka: Department of Export Agriculture
- Viet Nam: Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China: Hainan Pepper Association, China Spice Association

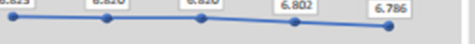
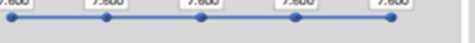
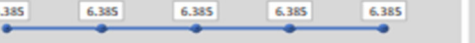
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (09-13/05/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		7,097 - 7,230	-2% ↓
 Lampung ** ASTA		4,080 – n.a	n.a
 Kuching ASTA		5,900 - 5,900	0% =
 Ho Chi Minh 500g/l		3,980 - 4,040	-1% ↓
 Ho Chi Minh 550g/l		4,180 - 4,240	-1% ↓

Sources:

- India: The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia: Unofficial source
- Malaysia: Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka: Department of Export Agriculture
- Viet Nam: Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China: Hainan Pepper Association, China Spice Association

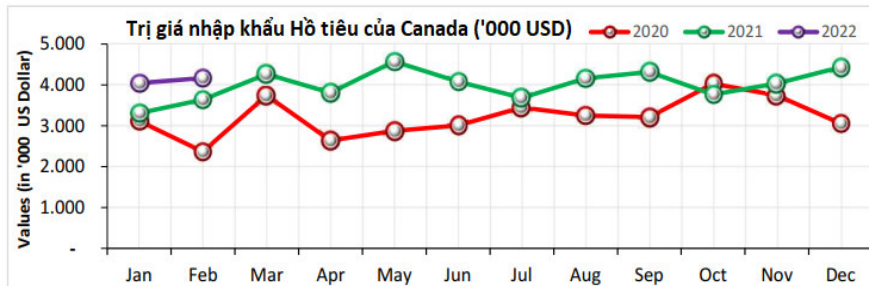
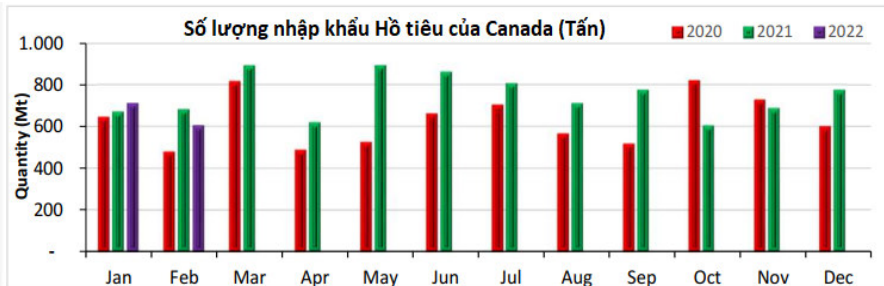
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (09-13/05/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		6,810 – n.a	n.a
 Kuching ASTA		7,600 - 7,600	0% =
 Ho Chi Minh FAQ		5,980 - 6,040	-1% ↓
 Haikou FAQ		6,385 – 6,385	0% =

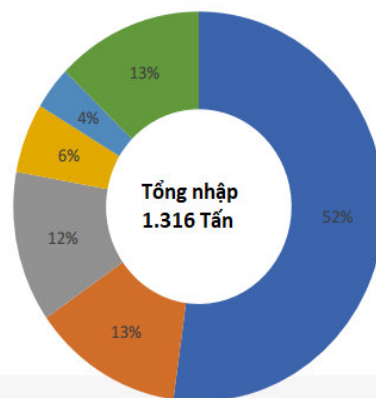
Sources:

- India: The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia: Unofficial source
- Malaysia: Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka: Department of Export Agriculture
- Viet Nam: Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China: Hainan Pepper Association, China Spice Association

NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA CANADA



**5 Quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Canada
2 tháng năm 2022**



- 1 Việt Nam : 687 Tấn
- 2 Ấn Độ : 173 Tấn
- 3 Brazil : 165 Tấn
- 4 Hoa Kỳ : 76 Tấn
- 5 Indonesia : 47 Tấn
- 6 Khác : 168 Tấn



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Nhập khẩu Hồ tiêu của Canada (2020-2022)



		<u>2020</u>	<u>2021</u>	<u>2022*</u>
Tổng lượng nhập (tấn)		7,552	8,971	1,316
Tổng trị giá nhập ('000 USD)		\$38,493	\$48,091	\$8,218
Thị phần (%)	Tiêu hạt	51%	56%	53%
	Tiêu xay	49%	44%	47%
Chênh lệch (%)		n.a	19%	-3%
Giá nhập khẩu (USD/tấn)	Tiêu hạt	\$ 4,801	\$ 5,105	\$ 6,181
	Tiêu xay	\$ 5,405	\$ 5,691	\$ 6,314

** Tính đến tháng 2/2022*

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.73	77.36	14,566	4.38	23,050	362.86
Tuần trước	6.60	76.44	n.a	4.36	23,050	349.49
Thay đổi	Giảm	Giảm	n.a	Giảm	Không đổi	Giảm

Nguồn:

- India: x-rates.com
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Trung Quốc: Chinamoney.com